

Post: Contact:
Air Navigation Department
119 Nguyen Son Str.,
Long Bien Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Tel: +84 24 38274191
Fax: +84 24 38274194
E-mail: and@caa.gov.vn
Web: http://caa.gov.vn

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM



AIP SUP
34/25
Có hiệu lực từ
Effective from
27 NOV 2025
Được xuất bản vào
Published on
30 OCT 2025

ĐIỀU CHỈNH CÁC SƠ ĐỒ PHƯƠNG THỨC BAY VÀ
TIÊU CHUẨN THỜI TIẾT TỐI THIỂU ÁP DỤNG TẠM
THỜI TRONG THỜI GIAN THI CÔNG TẠI CẢNG
HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ PHÚ QUỐC (VVPQ)

1 GIỚI THIỆU

Tập bổ sung AIP này nhằm thông báo về việc điều chỉnh các sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị – ICAO – Đường CHC 28 và tiêu chuẩn thời tiết tối thiểu áp dụng tạm thời trong thời gian thi công tại Cảng HKQT Phú Quốc (VVPQ).

2 CHI TIẾT

2.1 Điều chỉnh các sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị – ICAO – Đường CHC 28, chi tiết như sau:

- a) Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị – ICAO: ILS - Đường CHC 28

Chi tiết xem tại trang 3

Thay thế tạm thời trang AD 2-VVPQ-13-7 trong AIP Việt Nam

- b) Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị – ICAO: ILS Z - Đường CHC 28

Chi tiết xem tại trang 4

Thay thế tạm thời trang AD 2-VVPQ-13-27 trong AIP Việt Nam

- Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị – ICAO: ILS Z - Đường CHC 28 (Bảng mã hóa phương thức)

Chi tiết xem tại trang 5

Thay thế tạm thời trang AD 2-VVPQ-13-28 trong AIP Việt Nam

- c) Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị – ICAO: ILS Y - Đường CHC 28

Chi tiết xem tại trang 6

Thay thế tạm thời trang AD 2-VVPQ-13-29 trong AIP Việt Nam

- Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị – ICAO: ILS Y - Đường CHC 28 (Bảng mã hóa phương thức)

Chi tiết xem tại trang 7

Thay thế tạm thời trang AD 2-VVPQ-13-30 trong AIP Việt Nam

- d) Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị – ICAO: ILS X - Đường CHC 28

Chi tiết xem tại trang 8

Thay thế tạm thời trang AD 2-VVPQ-13-31 trong AIP Việt Nam

- Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị – ICAO: ILS X - Đường CHC 28 (Bảng mã hóa phương thức)

Chi tiết xem tại trang 9

REVISION OF FLIGHT PROCEDURES CHARTS AND
AERODROME OPERATING MINIMA TEMPORARILY
APPLIED DURING CONSTRUCTION AT PHU QUOC
INTERNATIONAL AERODROME (VVPQ)

1 INTRODUCTION

This AIP Supplement aims at notifying the revision of Instrument Approach Chart – ICAO – RWY 28 and AD Operating Minima, temporarily applied during construction at Phu Quoc International aerodrome (VVPQ).

2 DETAIL

2.1 Revision of Instrument Approach Chart – ICAO – RWY 28, as follows:

- a) Instrument Approach Chart – ICAO: ILS RWY 28

See page 3 for details

Temporary replacement of page AD 2-VVPQ-13-7 in Viet Nam AIP

- b) Instrument Approach Chart – ICAO: ILS Z RWY 28

See page 4 for details

Temporary replacement of page AD 2-VVPQ-13-27 in Viet Nam AIP

- Instrument Approach Chart – ICAO: ILS Z RWY 28 (Tabular description)

See page 5 for details

Temporary replacement of page AD 2-VVPQ-13-28 in Viet Nam AIP

- c) Instrument Approach Chart – ICAO: ILS Y RWY 28

See page 6 for details

Temporary replacement of page AD 2-VVPQ-13-29 in Viet Nam AIP

- Instrument Approach Chart – ICAO: ILS Y RWY 28 (Tabular description)

See page 7 for details

Temporary replacement of page AD 2-VVPQ-13-30 in Viet Nam AIP

- d) Instrument Approach Chart – ICAO: ILS X RWY 28

See page 8 for details

Temporary replacement of page AD 2-VVPQ-13-31 in Viet Nam AIP

- Instrument Approach Chart – ICAO: ILS X RWY 28 (Tabular description)

See page 9 for details

Thay thế tạm thời trang AD 2-VVPQ-13-32 trong AIP Việt Nam

Temporary replacement of page AD 2-VVPQ-13-32 in Viet Nam AIP

2.2 Tiêu chuẩn khai thác tối thiểu phương thức hạ cánh ILS, ILS Z, ILS Y, ILS X - Đường CHC 28

Chi tiết xem tại trang 10.

Ghi chú: Thay thế tạm thời các tiêu chuẩn khai thác tối thiểu của các Phương thức bay hiện hữu.

3 HIỆU LỰC

Tập bổ sung AIP này sẽ có hiệu lực từ 0000 ngày 27/11/2025 đến 0000 ngày 01/11/2026 (UTC).

4 HỦY BỎ

Bất kỳ thay đổi nào liên quan đến tập bổ sung AIP này sẽ được thông báo bằng NOTAM.

2.2 AD Operating Minima for ILS, ILS Z, ILS Y, ILS X approach procedures - RWY 28

See page 10 for details.

Note: Temporary replacement of AD Operating Minima for the existing flight procedures.

3 EFFECT

This AIP Supplement shall become effective from 0000 dated 27 NOV 2025 to 0000 dated 01 NOV 2026 (UTC).

4 CANCELLATION

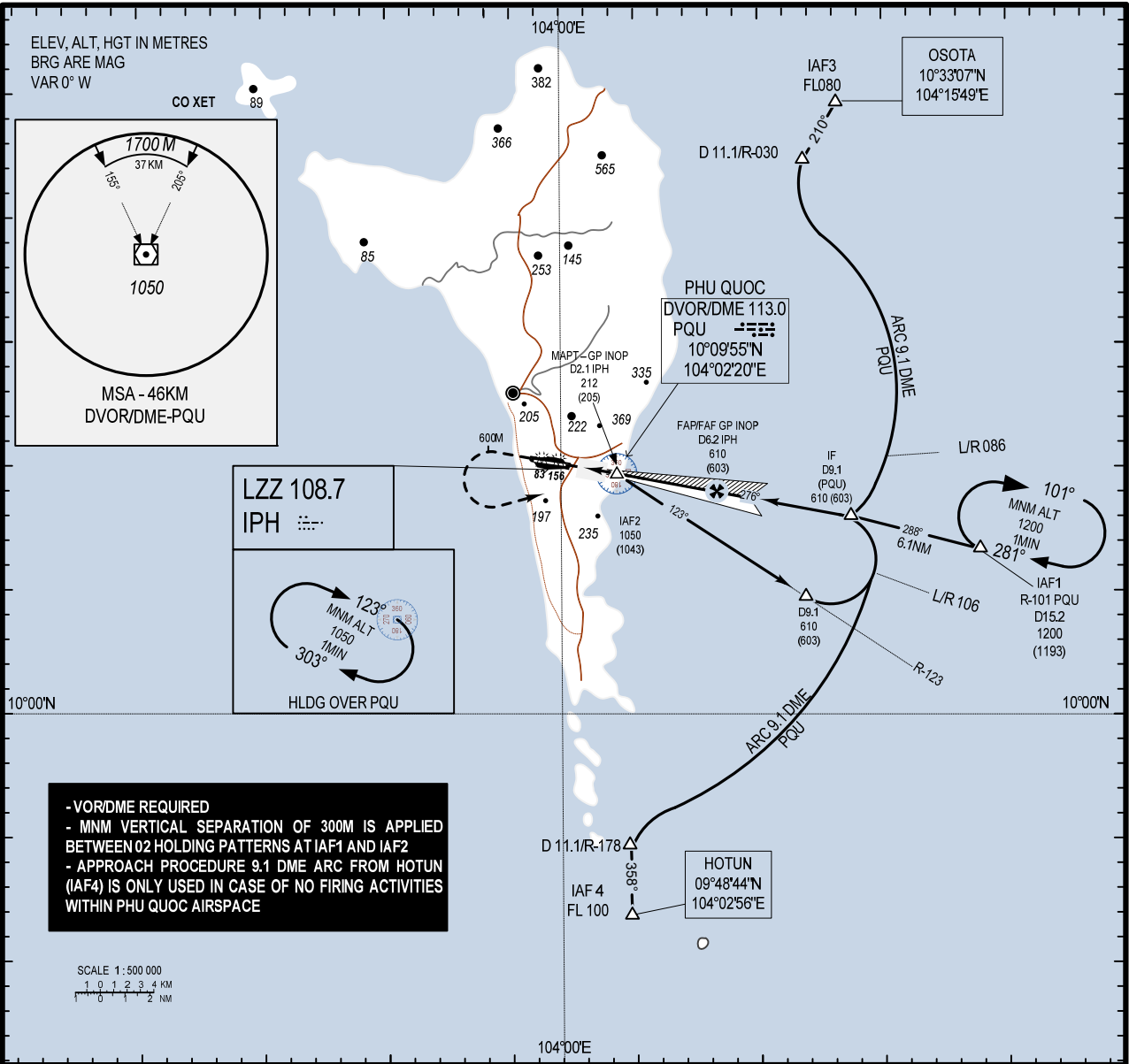
Any change relating to this AIP Supplement shall be notified by NOTAM.

INSTRUMENT
APPROACH
CHART - ICAO

AERODROME ELEV 7M
HEIGHTS RELATED TO
THR RWY 28 – ELEV 7M

TWR: 118.6 PRI
118.725 SRY

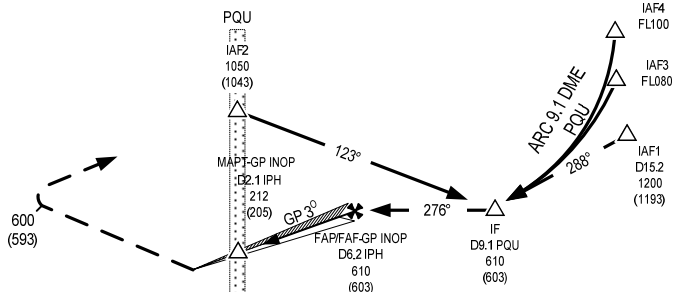
AN GIANG/PHU QUOC INTL (VVPQ)
ILS RWY 28



TRANSITION LEVEL: FL100

MISSED APPROACH:
MAINTAIN FINAL APPROACH TRACK CLIMB TO 1050M, PASSING 600M TURN LEFT TO PQU TO JOIN HOLDING PATTERN OR FOLLOW ATC INSTRUCTION.

THR ELEV 28: 7 M



DISTANCE FAF – MAPT GP INOP: 4.1NM (7593M)

OCA/H	A	B	C	D
STRAIGHT-IN APPROACH CAT I	163(156)	166(159)	169(162)	172(165)
GP INOP	212(205)			
CIRCLING	NOT APPLICABLE			

GS (KMH)	100	150	200	250	300	350
TIME (MIN:SEC)	4:33	3:02	2:17	1:49	1:31	1:18
RATE OF DESCENT (MS)	1.46	2.18	2.91	3.64	4.37	5.09

DME(GP/DME)	6.2	5	4	3	2.1
HEIGHT (M)	603	486	389	291	205

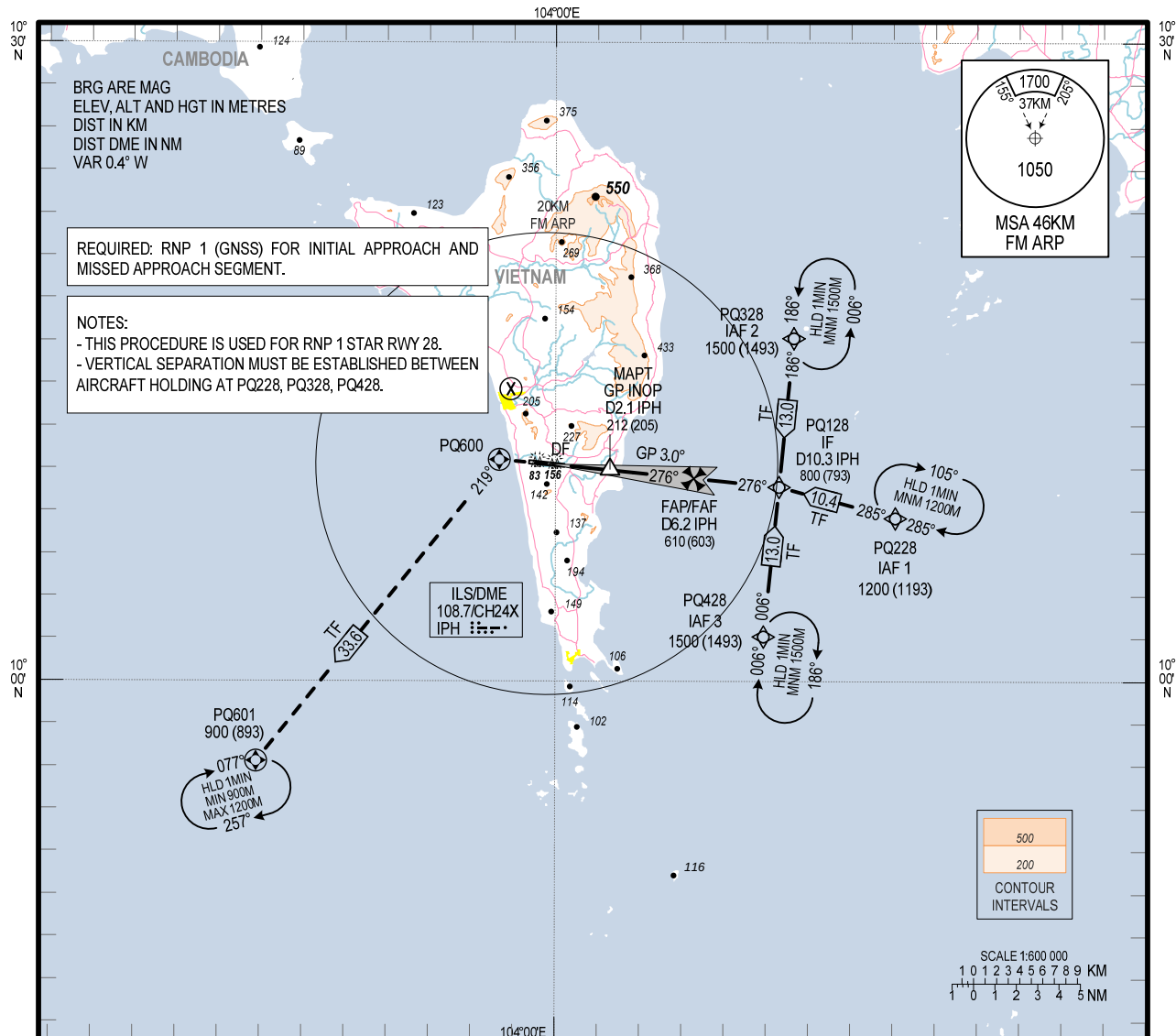
CHANGE: OCA(H).

**INSTRUMENT
APPROACH
CHART - ICAO**

AERODROME ELEV 7M
HEIGHTS RELATED TO
THR RWY 28 – ELEV 7M

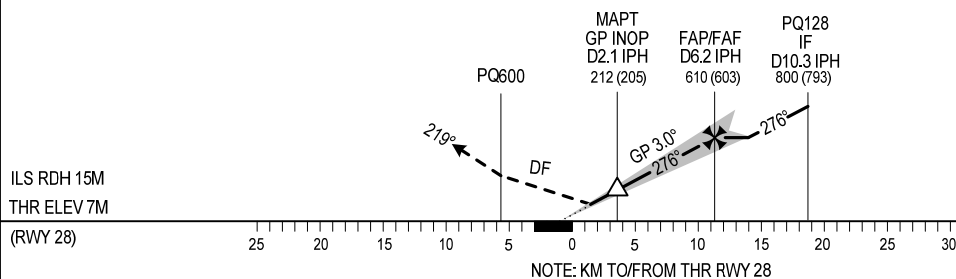
TWR: 118.6 PRI
118.725 SRY

**AN GIANG/PHU QUOC INTL (VVPQ)
ILS Z RWY 28**



MISSED APPROACH:
CLIMB UNTIL PASSING PQ600, TURN LEFT TO PQ601 REACH 900M (893M), JOIN HOLDING PATTERN, OR FOLLOW PHU QUOC TWR'S INSTRUCTIONS.

TRANSITION ALT: 2750M



OCA (H)		A	B	C	D
STRAIGHT-IN APPROACH	CAT I	163(156)	166(159)	169(162)	172(165)
	GP INOP	212 (205)			
CIRCLING		NOT APPLICABLE			

GS	KMH	100	150	200	250	300	350
FAF – MAPT 7.6KM	MIN:S	4:33	3:02	2:17	1:49	1:31	1:18
RATE OF DESCENT	M/S	1.46	2.18	2.91	3.64	4.37	5.09
DME	NM	6.2	5	4	3	2.1	
HGT	M	603	486	389	291	205	

CHANGE: OCA(H).

APCH PROCEDURE CODING OF ILS Z RWY 28

1. ILS Z RWY CHC 28: INITIAL APPROACH SEGMENT FROM PQ228

RCMD.PATH TERMINATOR	FIX ID (WPT NAME)	FLY- OVER	DISTANCE (KM)	MAG TRACK (TRUE TRACK)	TURN DIRECTION	ALTITUDE (M)	SPEED LIMIT (IAS) KM/H	VER ANGLE	NAV PER
IF	PQ228	-	-	-	-	1200	-	-	RNP 1
TF	PQ128	-	10.4	285 (284.5)	-	800	-	-	RNP 1

2. ILS Z RWY CHC 28: INITIAL APPROACH SEGMENT FROM PQ328

RCMD.PATH TERMINATOR	FIX ID (WPT NAME)	FLY- OVER	DISTANCE (KM)	MAG TRACK (TRUE TRACK)	TURN DIRECTION	ALTITUDE (M)	SPEED LIMIT (IAS) KM/H	VER ANGLE	NAV PER
IF	PQ328	-	-	-	-	1500	-	-	RNP 1
TF	PQ128	-	13.0	186 (185.7)	-	800	-	-	RNP 1

3. ILS Z RWY CHC 28: INITIAL APPROACH SEGMENT FROM PQ428

RCMD.PATH TERMINATOR	FIX ID (WPT NAME)	FLY- OVER	DISTANCE (KM)	MAG TRACK (TRUE TRACK)	TURN DIRECTION	ALTITUDE (M)	SPEED LIMIT (IAS) KM/H	VER ANGLE	NAV PER
IF	PQ428	-	-	-	-	1500	-	-	RNP 1
TF	PQ128	-	13.0	006 (005.7)	-	800	-	-	RNP 1

4. ILS Z RWY CHC 28: MISSED APPROACH SEGMENT

RCMD.PATH TERMINATOR	FIX ID (WPT NAME)	FLY- OVER	DISTANCE (KM)	MAG TRACK (TRUE TRACK)	TURN DIRECTION	ALTITUDE (M)	SPEED LIMIT (IAS) KM/H	VER ANGLE	NAV PER
IF	MAPT	Y	-	-	-	-	-	-	RNP 1
DF	PQ600	Y	-	-	-	-	-	-	RNP 1
TF	PQ601	-	33.6	219 (218.8)	L	900	-	-	RNP 1
HM	PQ601	Y	-	077 (076.1)	R	-1200 +900	-	-	RNP 1

5. HOLDING PROCEDURE

HOLDING FIX	FLY- OVER	INBOUND COURSE/ TRACK °M(°T)	MAGNETIC VARIATION	TIME (MIN)	TURN DIRECTION	ALTITUDE (M)	SPEED (KM/H)	NAV SPEC
PQ601	Y	077 (076.1)	+0.4	1 ≤ FL140	R	-1200 +900	-430 ≤ FL140	RNP 1
PQ228	Y	285 (284.5)	+0.4	1 ≤ FL140 1.5 > FL140	R	+1200	-430 ≤ FL140 -445 > FL140	RNP 1
PQ328	Y	186 (185.7)	+0.4	1 ≤ FL140 1.5 > FL140	L	+1500	-430 ≤ FL140 -445 > FL140	RNP 1
PQ428	Y	006 (005.7)	+0.4	1 ≤ FL140 1.5 > FL140	R	+1500	-430 ≤ FL140 -445 > FL140	RNP 1

AN GIANG/PHU QUOC INTL (VVPQ)
ILS Y RWY 28



GS	KM/H	100	150	200	250	300	350
FAF – MAPT 7.6KM	MIN:S	4:33	3:02	2:17	1:49	1:31	1:18
RATE OF DESCENT	M/S	1.46	2.18	2.91	3.64	4.37	5.09
DME	NM	6.2	5	4	3	2.1	
HGT	M	603	486	389	291	205	

APCH PROCEDURE CODING OF ILS Y RWY 28

1. ILS Y RWY CHC 28: INITIAL APPROACH SEGMENT FROM PQ601

RCMD.PATH TERMINATOR	FIX ID (WPT NAME)	FLY- OVER	DISTANCE (KM)	MAG TRACK (TRUE TRACK)	TURN DIRECTION	ALTITUDE (M)	SPEED LIMIT (IAS) KM/H	VER ANGLE	NAV PER
IF	PQ601	-	-	-	-	900	-	-	RNP 1
TF	PQ428	-	45.3	077 (076.1)	-	-	-	-	RNP 1
TF	PQ128	-	13.0	006 (005.7)	L	800	-	-	RNP 1

2. ILS Y RWY CHC 28: MISSED APPROACH SEGMENT

RCMD.PATH TERMINATOR	FIX ID (WPT NAME)	FLY- OVER	DISTANCE (KM)	MAG TRACK (TRUE TRACK)	TURN DIRECTION	ALTITUDE (M)	SPEED LIMIT (IAS) KM/H	VER ANGLE	NAV PER
IF	MAPT	Y	-	-	-	-	-	-	RNP 1
DF	PQ600	Y	-	-	-	-	-	-	RNP 1
TF	PQ601	-	33.6	219 (218.8)	L	900	-	-	RNP 1
HM	PQ601	Y	-	077 (076.1)	R	-1200 +900	-	-	RNP 1

3. HOLDING PROCEDURE

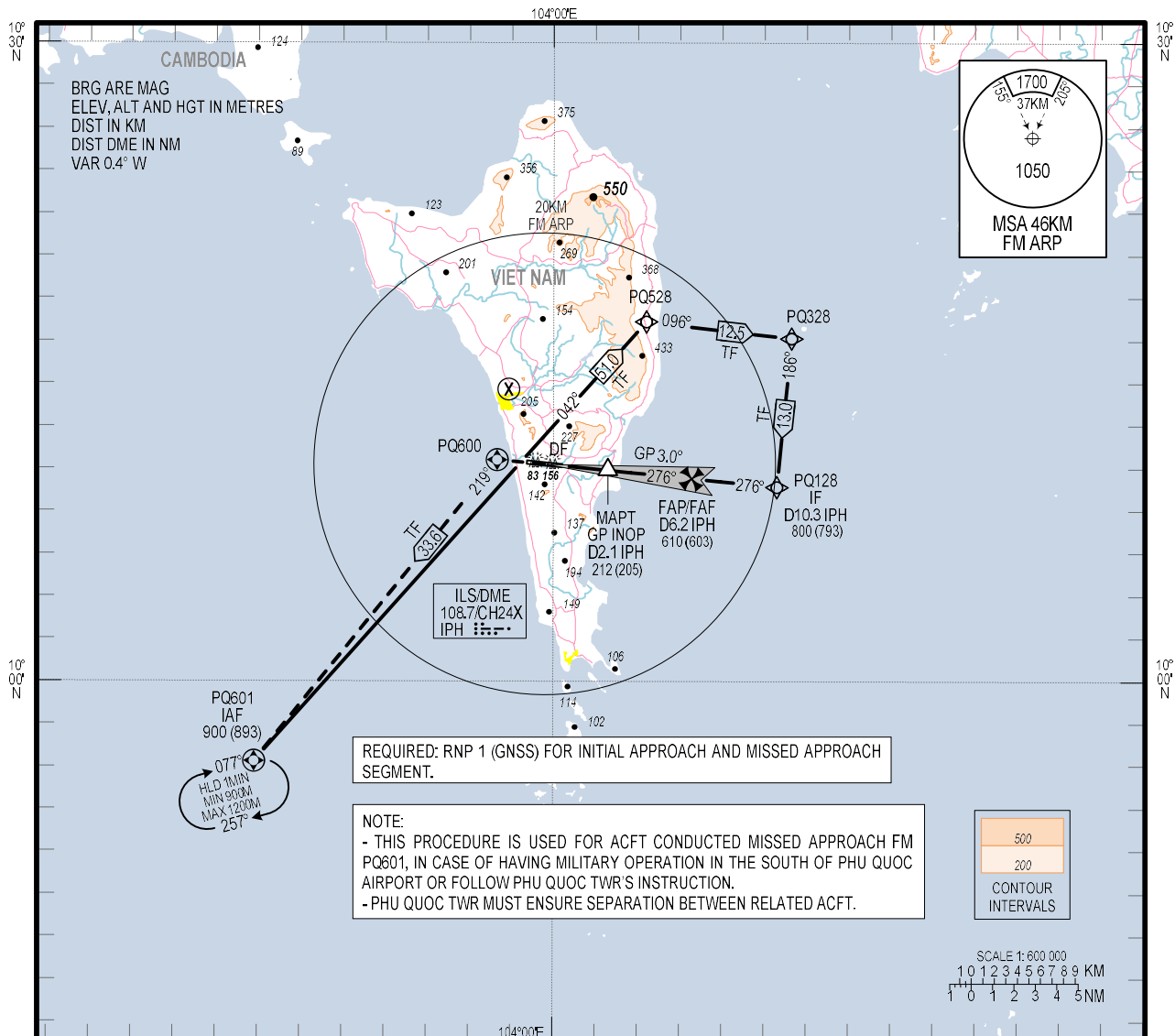
Holding Fix	Fly- over	Inbound Course/ Track °M(°T)	Magnetic Variation	Time (min)	Turn Direction	Altitude (m)	Speed (km/h)	Nav Spec
PQ601	Y	077 (076.1)	+0.4	1 ≤ FL140	R	-1200 +900	-430 ≤ FL140	RNP 1

**INSTRUMENT
APPROACH
CHART - ICAO**

AERODROME ELEV 7M
HEIGHTS RELATED TO
THR RWY 28 - ELEV 7M

TWR: 118.6 PRI
118.725 SRY

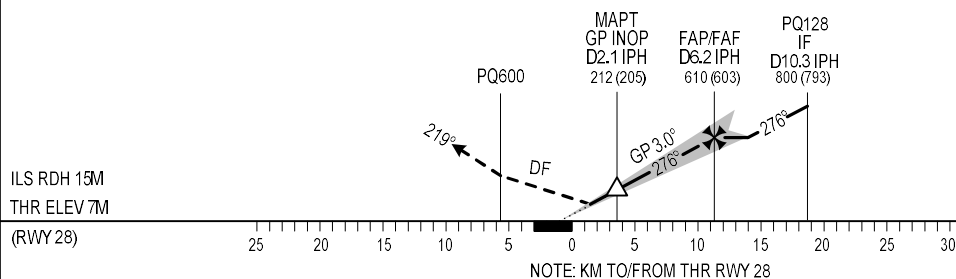
**AN GIANG/PHU QUOC INTL (VVPQ)
ILS X RWY 28**



MISSED APPROACH:

CLIMB UNTIL PASSING PQ600, TURN LEFT TO PQ601 REACH 900M (893M), JOIN HOLDING PATTERN, OR FOLLOW PHU QUOC TWR'S INSTRUCTIONS.

TRANSITION ALT: 2750M



OCA (H)		A	B	C	D
STRAIGHT-IN APPROACH	CAT I	163(156)	166(159)	169(162)	172(165)
	GP INOP	212 (205)			
CIRCLING		NOT APPLICABLE			

GS	KMH	100	150	200	250	300	350
FAF - MAPT 7.6KM	MIN:S	4:33	3:02	2:17	1:49	1:31	1:18
RATE OF DESCENT	M/S	1.46	2.18	2.91	3.64	4.37	5.09
DME	NM	6.2	5	4	3	2.1	
HGT	M	603	486	389	291	205	

CHANGE: OCA(H).

APCH PROCEDURE CODING OF ILS X RWY 28

1. ILS X RWY CHC 28: INITIAL APPROACH SEGMENT FROM PQ601

RCMD.PATH TERMINATOR	FIX ID (WPT NAME)	FLY- OVER	DISTANCE (KM)	MAG TRACK (TRUE TRACK)	TURN DIRECTION	ALTITUDE (M)	SPEED LIMIT (IAS) KM/H	VER ANGLE	NAV PER
IF	PQ601	-	-	-	-	900	-	-	RNP 1
TF	PQ528	-	51.0	042 (041.9)	-	-	-	-	RNP 1
TF	PQ328	-	12.5	096 (095.7)	R	-	-	-	RNP 1
TF	PQ128	-	13.0	186 (185.7)	R	800	-	-	RNP 1

2. ILS X RWY CHC 28: MISSED APPROACH SEGMENT

RCMD.PATH TERMINATOR	FIX ID (WPT NAME)	FLY- OVER	DISTANCE (KM)	MAG TRACK (TRUE TRACK)	TURN DIRECTION	ALTITUDE (M)	SPEED LIMIT (IAS) KM/H	VER ANGLE	NAV PER
IF	MAPT	Y	-	-	-	-	-	-	RNP 1
DF	PQ600	Y	-	-	-	-	-	-	RNP 1
TF	PQ601	-	33.6	219 (218.8)	L	900	-	-	RNP 1
HM	PQ601	Y	-	077 (076.1)	R	-1200 +900	-	-	RNP 1

3. HOLDING PROCEDURE

Holding Fix	Fly- over	Inbound Course/ Track °M(°T)	Magnetic Variation	Time (min)	Turn Direction	Altitude (m)	Speed (km/h)	Nav Spec
PQ601	Y	077 (076.1)	+0.4	1 ≤ FL140	R	-1200 +900	-430 ≤ FL140	RNP 1

LANDING MINIMA FOR RWY 28**ILS approach procedures**

Procedures	ACFT CAT	MDH/DH (M)	In case of APCH LGT serviceable		In case of APCH LGT unserviceable	
			RVR (M)	VIS (M)	RVR (M)	VIS (M)
ILS, ILS Z, ILS Y, ILS X RWY 28	A, B	-/160	1 700	2 200	2 400	2 900
	C, D	-/170	1 800	2 300	2 500	3 000
ILS, ILS Z, ILS Y, ILS X GP INOP RWY 28	A, B , C, D	210/-	-	3 000	-	3 700

Note: Use VIS values only when RVR values are not available or the RVR system is unserviceable.